TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 533/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2/ Ông Phan Hoàng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 383/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/4/2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2022; Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa ngày 26/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Th**, sinh năm 1987 (Có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: A17/27C ấp 1A, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Võ Văn Đ**, sinh năm 1962 (Vắng mặt).
Địa chỉ: A17/27C ấp 1A, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Th trình bày như sau:

Bà Th và ông Võ Văn Đ tự nguyện quen biết nhau, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh năm 2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, ông Đ thường xuyên nhậu nhẹt và đánh vợ, bà Th buồn bỏ nhà đi, sau đó bà Th có tha thứ cho ông Đ và quay về chung sống nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Nay bà Th yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn Đ, vì tình nghĩa vợ chồng không còn nữa và đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Th và ông Võ Văn Đ chung sống với nhau có 01 (Một) con chung tên là Võ Phạm Kiều T, sinh ngày 29/10/2010 (Giới tính: Nữ).

Hiện tại cháu T đang sống với bà Th. Sau khi ly hôn bà Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thanh, bà Th không yêu cầu ông Võ Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Th tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị Th tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị Th vắng mặt và nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà Th.

Bị đơn ông Võ Văn Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tống đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Đ số A17/27C ấp 1A, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh gồm: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đ vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa ông Võ Văn Đ vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Th. Về án phí: Bà Phạm Thị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là bà Phạm Thị Th nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn Đ. Đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[2] Về Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo kết quả xác minh của Công an xã Bình Hưng: *"Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1962 không đăng ký thường trú hoặc tạm trú tại địa chỉ A17/27C ấp 1A, xã Bình H, huyện Bình C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên ông Đ có thực tế cư trú tại A17/27C tổ 50A, ấp 1A, xã Bình H, huyện Bình C"*. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền

giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Th vắng mặt và có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà Th. Bị đơn ông Võ Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa xét xử đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quy định là vẫn tiến hành xét xử.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[4] Nguyên đơn - bà Phạm Thị Th yêu cầu ly hôn với bị đơn - ông Võ Văn Đ; Về con chung: Bà Th yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Võ Phạm Kiều T. Bà Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Bị đơn ông Võ Văn Đ vắng mặt không đến Tòa án, không nộp văn bản cũng như đến Tòa án trình bày ý kiến để bảo vệ quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên được coi là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

[6] Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Th đối với ông Võ Văn Đ. Bà Phạm Thị Th chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Th và ông Võ Văn Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 125/KH, quyển số 01/2010, đăng ký ngày 13/08/2010 của Ủy ban nhân dân Phường C, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, hôn nhân giữa bà Phạm Thị Th và ông Võ Văn Đ là hôn nhân hợp pháp.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Hai bên đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt với nhau, sống ly thân với nhau, để một trong hai bên có yêu cầu ly hôn. Bị đơn không lên Tòa án bảo vệ quan điểm yêu cầu đoàn tụ của mình và có biện pháp khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng, đem lại hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9] Về con chung: Nguyên đơn xác nhận có 01 (Một) con chung tên là Võ Phạm Kiều T, sinh ngày 29/10/2010 (Giới tính: Nữ).

Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã Bình H, huyện Bình C, thành phố Hồ Chí Minh về tình trạng hôn nhân giữa bà Bà Phạm Thị Th và ông Võ Văn Đ là do không tiếp cận được vì nhà thường xuyên đóng cửa. Ngoài ra địa phương không nắm thông tin gì khác. Tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ Võ Phạm Kiều T có nêu nguyện vọng của trẻ là được sống cùng mẹ, vì hiện tại trẻ đang sống với mẹ, việc học hành cũng tiện cho trẻ. Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được quyền tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Võ Phạm Kiều T là phù hợp tình hình trẻ đang sinh sống.

[10] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Th tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[11] Về nợ chung: Bà Phạm Thị Th tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Th chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 93, 94, 95, 97, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Th.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Th và ông Võ Văn Đ chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Giấy chứng nhận kết hôn số số 125/KH, quyển số 01/2010, đăng ký ngày 13/08/2010 do Ủy ban nhân dân Phường C, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phạm Thị Th và ông Võ Văn Đ không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên là Võ Phạm Kiều T, sinh ngày 29/10/2010 (Giới tính: Nữ).

Bà Phạm Thị Th được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Võ Phạm Kiều T.

Ông Võ Văn Đ có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Th tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Phạm Thị Th tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0081290 ngày

06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Bà Phạm Thị Th và ông Võ Văn Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sự (4);
- Ủy ban nhân dân Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ôn Kim Chi

2 000002 889205